

MÃ ĐỀ: 101

PHẦN I: ĐỌC HIỂU (3,0 điểm): Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:

(1) “Người thành công luôn chịu trách nhiệm cho bất cứ chuyện gì xảy ra trong cuộc sống của họ. Họ tin rằng dù chuyện gì xảy ra đi chăng nữa, họ là một phần nguyên nhân gây ra nó. Ví dụ: nếu học thi trượt, đó là lỗi của họ. Nếu không được cha mẹ tin tưởng, đó là lỗi của họ. Nếu phải vào lớp tệ hại nhất, đó là lỗi của họ. Nếu trở thành một học sinh xuất sắc, đó cũng là nhờ nỗ lực của họ. Nhận lãnh trách nhiệm về bản thân có một sức mạnh tiềm ẩn vô cùng to lớn. Nếu bạn tin rằng bạn là nguyên do của mọi chuyện, bạn sẽ có khả năng thay đổi và cải thiện mọi chuyện. Nói một cách đơn giản, bạn làm chủ cuộc sống của chính bạn.

(2) [...] Những kẻ thất bại bao giờ cũng có khuynh hướng đổ lỗi cho mọi người ngoại trừ bản thân họ. Họ đổ thừa thầy cô giảng bài nhàm chán, đổ thừa kỳ thi quá khó, đổ thừa bạn bè làm họ xao nhãng việc học, đổ thừa cha mẹ suốt ngày cằn nhằn họ. Tệ hại hơn cả, một số học sinh còn tự lừa dối bản thân rằng mọi việc cũng không đến nỗi quá tệ, rằng môn Toán của họ cũng không tệ đến thế, rằng thực chất họ học hành rất chăm chỉ... trong khi tự đáy lòng, họ biết rõ những điều đó không phải là sự thật. “Những người và những việc xung quanh mình khiến mình thất bại”. Suy nghĩ đó khiến bạn trở thành nạn nhân bất lực, không thể thay đổi được cuộc sống.”

(Trích *Tôi tài giỏi, bạn cũng thế* – Adam Khoo, Nxb Phụ nữ, 2013)

Câu 1 (0,5 điểm): Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn trích.

Câu 2 (0,5 điểm): Theo tác giả đoạn trích, điểm khác nhau cơ bản giữa người thành công và kẻ thất bại là gì?

Câu 3 (1 điểm): Xác định biện pháp tu từ trong đoạn văn [2] và nêu tác dụng của biện pháp tu từ đó.

Câu 4 (1 điểm): Qua đoạn trích, anh/chị rút ra được bài học gì?

PHẦN II: LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm): Từ đoạn trích trên, anh/chị hãy viết một đoạn văn (khoảng 15 dòng) trình bày suy nghĩ về *vai trò của sự thất bại* đối với bản thân anh/chị?

Câu 2 (5,0 điểm): Cảm nhận 12 câu thơ đầu trong đoạn trích *Trao duyên* (trích *Truyện Kiều*) của tác giả Nguyễn Du:

“...Cậy em em có chịu lời,
Ngồi lên cho chị lạy rồi sẽ thưa.
Giữa đường đứt gánh tương tư,
Keo loan chắp mối tơ thừa mặc em.
Kể từ khi gặp chàng Kim,
Khi ngày quạt ước khi đêm chén thề

Sự đâu sóng gió bất kỳ,
Hiếu tình khôn lẽ hai bề vẹn hai.
Ngày xuân em hãy còn dài,
Xót tình máu mủ thay lời nước non.
Chị dù thịt nát xương mòn,
Ngậm cười chín suối hãy còn thơm lây.”

(Trích *Sách giáo khoa Ngữ văn 10*, tập 2, Nxb Giáo dục, trang 104)

----HẾT----

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.
Họ và tên thí sinh.....số báo danh.....

MÃ ĐỀ: 102

PHẦN I: ĐỌC HIỂU (3,0 điểm): Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:

(1) “Tôi luôn ngưỡng mộ những học sinh không chỉ học xuất sắc mà còn dành được nhiều thời gian tham gia vào các hoạt động ngoại khóa. Họ thường nắm giữ những vị trí quan trọng ở các câu lạc bộ trong trường và ngoài xã hội. Họ đạt điểm cao trong học tập, đi thi đấu thể thao cho trường, giữ chức chủ nhiệm trong các câu lạc bộ, và trên hết, họ là những thành viên tích cực trong Đoàn, Đội. Tôi luôn tự hỏi “làm thế nào mà họ có nhiều thời gian đến thế?”. Mặt khác, những học sinh kém đưa ra lý do họ nhận kết quả thi không tốt là do họ không có thời gian để ôn bài. Tuy nhiên, thực tế, những học sinh này lại thường không tích cực trong các hoạt động tập thể và ngoại khóa như những học sinh giỏi. Tại sao lại như vậy? Tất cả mọi người đều có 24 giờ một ngày. Thời gian là thứ tài sản mà ai cũng được chia đều. Cho dù bạn là một học sinh giỏi, một học sinh kém, tổng thống hay một người gác cổng, bạn cũng chỉ có cùng một lượng thời gian như nhau.

(2) Thời gian là thứ duy nhất mà chúng ta không thể mua được. Tuy nhiên, tại sao một người như tổng thống Mỹ lại có thời gian quản lý cả một quốc gia rộng lớn trong khi đó người gác cổng lại than phiền rằng ông ta không có thời gian để học? Sự khác biệt là do những người thành công trong cuộc sống biết cách quản lý thời gian. Chúng ta không thể thay đổi được thời gian nhưng có thể kiểm soát được cách chúng ta sử dụng nó. Nếu bạn làm chủ được thời gian, bạn sẽ làm chủ được cuộc sống.”

(Trích *Tôi tài giỏi, bạn cũng thế* – Adam Khoo, NXB Phụ nữ, 2013)

Câu 1 (0,5 điểm): Xác định phương thức biểu đạt chính có trong đoạn trích.

Câu 2 (0,5 điểm): Theo tác giả đoạn trích, sự khác nhau cơ bản giữa những học sinh xuất sắc và học sinh kém là gì?

Câu 3 (1 điểm): Xác định biện pháp tu từ trong đoạn văn [1] và nêu tác dụng của biện pháp tu từ đó.

Câu 4 (1 điểm): Qua đoạn trích, tác giả gửi gắm thông điệp gì?

PHẦN II: LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm): Nội dung đoạn trích ở phần đọc hiểu có đề cập đến hoạt động ngoại khóa, anh/chị hãy viết một đoạn văn (khoảng 15 dòng) trình bày suy nghĩ về vai trò của hoạt động ngoại khóa đối với học sinh hiện nay?

Câu 2 (5,0 điểm): Cảm nhận 12 câu thơ đầu trong đoạn trích *Trao duyên* (trích *Truyện Kiều*) của Nguyễn Du:

“...Cậy em em có chịu lời,
Ngồi lên cho chị lạy rồi sẽ thưa.
Giữa đường đứt gánh tương tư,
Keo loan chấp mối tơ thừa mặc em.
Kể từ khi gặp chàng Kim,

Khi ngày quạt ước khi đêm chén thề

(Trích *Sách giáo khoa Ngữ văn 10*, tập 2, Nxb Giáo dục, trang 104)

Sự đâu sóng gió bất kỳ,
Hiếu tình khôn lẽ hai bề vẹn hai.
Ngày xuân em hãy còn dài,
Xót tình máu mủ thay lời nước non.
Chị dù thịt nát xương mòn,
Ngậm cười chín suối hãy còn thơm lây.”

---HẾT---

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

Họ và tên thí sinh.....số báo danh.....

MÃ ĐỀ: 103

PHẦN I: ĐỌC HIỂU (3,0 điểm): Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:

(1) “Người thành công luôn chịu trách nhiệm cho bất cứ chuyện gì xảy ra trong cuộc sống của họ. Họ tin rằng dù chuyện gì xảy ra đi chăng nữa, họ là một phần nguyên nhân gây ra nó. Ví dụ: nếu học thi trượt, đó là lỗi của họ. Nếu không được cha mẹ tin tưởng, đó là lỗi của họ. Nếu phải vào lớp tệ hại nhất, đó là lỗi của họ. Nếu trở thành một học sinh xuất sắc, đó cũng là nhờ nỗ lực của họ. Nhận lãnh trách nhiệm về bản thân có một sức mạnh tiềm ẩn vô cùng to lớn. Nếu bạn tin rằng bạn là nguyên do của mọi chuyện, bạn sẽ có khả năng thay đổi và cải thiện mọi chuyện. Nói một cách đơn giản, bạn làm chủ cuộc sống của chính bạn.

(2) [...] Những kẻ thất bại bao giờ cũng có khuynh hướng đổ lỗi cho mọi người ngoại trừ bản thân họ. Họ đổ thừa thầy cô giảng bài nhàm chán, đổ thừa kỳ thi quá khó, đổ thừa bạn bè làm họ xao nhãng việc học, đổ thừa cha mẹ suốt ngày cần nhần họ. Tệ hại hơn cả, một số học sinh còn tự lừa dối bản thân rằng mọi việc cũng không đến nỗi quá tệ, rằng môn Toán của họ cũng không tệ đến thế, rằng thực chất họ học hành rất chăm chỉ... trong khi tự đáy lòng, họ biết rõ những điều đó không phải là sự thật. “Những người và những việc xung quanh mình khiến mình thất bại”. Suy nghĩ đó khiến bạn trở thành nạn nhân bất lực, không thể thay đổi được cuộc sống.”

(Trích *Tôi tài giỏi, bạn cũng thế* – Adam Khoo, Nxb Phụ nữ, 2013)

Câu 1 (1,0 điểm): Xác định phương thức biểu đạt chính có trong đoạn trích.

Câu 2 (1,0 điểm): Theo tác giả đoạn trích, điểm khác nhau cơ bản giữa người thành công và kẻ thất bại là gì?

Câu 3 (1,0 điểm): Xác định biện pháp tu từ trong đoạn văn [2] và nêu tác dụng của biện pháp tu từ đó.

Câu 4 (1,0 điểm): Qua đoạn trích, anh/chị rút ra được bài học gì?

PHẦN II: LÀM VĂN (6,0 điểm) Từ đoạn trích trên, anh/chị hãy viết một đoạn văn (khoảng 15 dòng) trình bày suy nghĩ về *vai trò của sự thất bại* đối với bản thân anh/chị?

----HẾT----

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

Họ và tên thí sinh.....số báo danh.....

MÃ ĐỀ: 104

PHẦN I: ĐỌC HIỂU (3,0 điểm), Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:

Tuổi trẻ là đặc ân vô giá của tạo hóa ban cho bạn. Vô nghĩa của đời người là để tuổi xuân trôi qua trong vô vọng. (...) Người ta bảo, thời gian là vàng bạc, nhưng sử dụng đúng thời gian của tuổi trẻ là bảo bối của thành công. Tài năng thiên bẩm chỉ là điểm khởi đầu, thành công của cuộc đời là mồ hôi, nước mắt và thậm chí là cuộc sống. Nếu chỉ chăm chăm và tán dương tài năng thiên bẩm thì chẳng khác nào chim trời chỉ vỗ cánh mà chẳng bao giờ bay được lên cao. Mỗi ngày trôi qua rất nhanh. Bạn đã dành thời gian cho những việc gì ? Cho bạn bè, cho người yêu, cho đồng loại và cho công việc? Và có bao giờ bạn rùng mình vì đã để thời gian trôi qua không lưu lại dấu tích gì không ?

Các bạn hãy xây dựng tầm nhìn rộng mở (...), biến tri thức của loài người, của thời đại thành tri thức bản thân và cộng đồng, vận dụng vào hoạt động thực tiễn của mình. Trước mắt là tích lũy tri thức khi còn ngồi trên ghế nhà trường để mai ngày khởi nghiệp; tự mình xây dựng các chuẩn mực cho bản thân; nhận diện cái đúng, cái sai, cái đáng làm và cái không nên làm. Trường đời là trường học vĩ đại nhất, nhưng để thành công bạn cần có nền tảng về mọi mặt, thiếu nó không chỉ chông chênh mà có khi vấp ngã.

(Theo Báo mới.com; 26/03/2016)

Câu 1 (0,5 điểm): Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn trích.

Câu 2 (0,5 điểm): Chỉ ra điều cần làm **trước mắt** được nêu trong đoạn trích.

Câu 3 (1 điểm): Xác định biện pháp tu từ trong đoạn văn “Mỗi ngày trôi qua rất nhanh. Bạn đã dành thời gian cho những việc gì ? Cho bạn bè, cho người yêu, cho đồng loại và cho công việc? Và có bao giờ bạn rùng mình vì đã để thời gian trôi qua không lưu lại dấu tích gì không?”. Nêu tác dụng của biện pháp tu từ đó.

Câu 4 (1 điểm): Qua đoạn trích, tác giả gửi gắm thông điệp gì?

PHẦN II: LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm): Từ nội dung đoạn trích phần Đọc hiểu, anh/chị hãy viết một đoạn văn (khoảng 15 dòng) trình bày suy nghĩ về điều bản thân cần làm để tuổi trẻ có ý nghĩa.

Câu 2 (5,0 điểm): Cảm nhận của anh (chị) về vẻ đẹp của hình tượng người anh hùng Từ Hải thông qua đoạn trích *Chí khí anh hùng*, trích (*Truyện Kiều* - Nguyễn Du).

----HẾT----

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

Họ và tên thí sinh.....số báo danh.....

I. Hướng dẫn chung

- Giám khảo cần nắm các yêu cầu của hướng dẫn chấm để đánh giá tổng quát bài làm của thí sinh, tránh cách chấm đếm ý cho điểm.
- Do đặc trưng bộ môn Ngữ văn nên Giám khảo cần chủ động, linh hoạt trong việc áp dụng đáp án và thang điểm, khuyến khích các bài viết có cảm xúc, mang dấu ấn cá nhân.

II. Đáp án và thang điểm

Câu	Yêu cầu cần đạt	Điểm
	Mã đề: 101	
Đọc – hiểu	1. Phương thức biểu đạt chính: Nghị luận	0.5
	2. Theo tác giả đoạn trích điểm khác nhau cơ bản giữa người thành công và kẻ thất bại là: Người thành công luôn chịu trách nhiệm cho bất cứ chuyện gì xảy ra trong cuộc sống của họ. Họ tin rằng dù chuyện gì xảy ra đi chăng nữa, họ là một phần nguyên nhân gây ra nó. Kẻ thất bại bao giờ cũng có khuynh hướng đổ lỗi cho mọi người ngoại trừ bản thân họ.	0,5
	3. Biện pháp tu từ và nêu hiệu quả của biện pháp tu từ trong đoạn 2: - Liệt kê: <i>Họ đổ thừa thầy cô giảng bài nhàm chán, đổ thừa kỳ thi quá khó, đổ thừa bạn bè làm họ xao nhãng việc học, đổ thừa cha mẹ suốt ngày cản nhắc họ.</i> ụng: Nhấn mạnh làm nổi bật những lý do mà kẻ thất bại đưa ra khi gặp những vấn đề không hay trong cuộc sống.	1,0
	4. Qua đoạn trích, anh/chị rút ra được bài học gì: HS rút ra được một bài học có ý nghĩa thì cho điểm tuyệt đối: - Khi gặp một vấn đề nào đó không hay trong cuộc sống, cần có sự nhìn nhận đúng đắn về chính bản thân mình để có sự điều chỉnh phù hợp. - Khi thất bại, không nên cố gắng đổ lỗi cho bất kỳ một ai đó vì càng đổ lỗi cho người khác thì bản thân càng trở nên bất lực. - ...	1,0
Làm văn	Nghị luận xã hội	2,0
	Về hình thức: Viết một đoạn, không tách đoạn nhỏ; Câu cú rõ ràng, dung từ ngữ chính xác, ... Xác định đúng vấn đề nghị luận: Vai trò của sự thất bại Về nội dung: - Giải thích: Thất bại là gì? Đó là những lần ta mắc phải sai lầm, vấp ngã, khó	0,5

	khăn thử thách, không đạt được mục tiêu mình đề ra,... - Phân tích vai trò của sự thất bại: + Thất bại giúp ta có thêm những kinh nghiệm để làm lại trong những lần sau + Thất bại giúp ta rút ra những bài học cho bản thân + Một người có ý chí, khi thất bại họ sẽ có thêm động lực và quyết tâm để đứng lên sau thất bại +... - Rút ra bài học nhận thức và hành động.	0,25 1,0 0,25
Mã đề 102		
Đọc – hiểu	1. Phương thức biểu đạt chính: Nghị luận 2. Theo tác giả, điểm khác nhau cơ bản giữa học sinh xuất sắc và học sinh kém: – HS giỏi thường nắm giữ những vị trí quan trọng ở các câu lạc bộ trong trường và ngoài xã hội. Họ đạt điểm cao trong học tập, đi thi đấu thể thao cho trường, giữ chức chủ nhiệm trong các câu lạc bộ, và trên hết, họ là những thành viên tích cực trong Đoàn, Đội. - Những học sinh kém đưa ra lí do họ nhận kết quả thi không tốt là do họ không có thời gian để ôn bài. Tuy nhiên, thực tế, những học sinh này lại thường không tích cực trong các hoạt động tập thể và ngoại khóa 3. Biện pháp tu từ và nêu hiệu quả của biện pháp tu từ trong đoạn 1: - Liệt kê: Họ thường nắm giữ những vị trí quan trọng ở các câu lạc bộ trong trường và ngoài xã hội. Họ đạt điểm cao trong học tập, đi thi đấu thể thao cho trường, giữ chức chủ nhiệm trong các câu lạc bộ, và trên hết, họ là những thành viên tích cực trong Đoàn, Đội. - Tác dụng: Nhấn mạnh làm nổi bật việc mà những học sinh biết sử dụng hợp lý thời gian làm được. 4. Qua đoạn trích, tác giả gửi gắm thông điệp: HS trả lời một thông điệp có ý nghĩa thì cho điểm tuyệt đối: - Biết sử dụng hợp lý thời gian vì thời gian thì sẽ làm được nhiều điều có ích trong cuộc sống. - Làm chủ thời gian bạn sẽ làm chủ được cuộc sống của mình. - ...	0,5 0,5 1,0
Làm văn	Nghị luận xã hội	
	Về hình thức: Viết một đoạn, không tách đoạn nhỏ; Câu cú rõ ràng, dùng từ ngữ chính xác,... Xác định đúng vấn đề nghị luận: Vai trò của hoạt động ngoại khóa Về nội dung: - Giải thích: Hoạt động ngoại khóa là gì? Đó là những hoạt động khác ngoài hoạt động học tập trong giờ học chính khóa và thường mang tính chất tự nguyện... - Phân tích vai trò của hoạt động ngoại khóa: + Giúp HS rèn luyện các kỹ năng sống, kỹ năng mềm cơ bản... + Giúp HS giải tỏa căng thẳng bên cạnh những giờ học chính khóa +...	2,0 0,5 0,25 1,0 0,25

[illegible]

	đúng đắn về chính bản thân mình để có sự điều chỉnh phù hợp. - Khi thất bại, không nên cố gắng đổ lỗi cho bất kỳ một ai đó vì càng đổ lỗi cho người khác thì bản thân càng trở nên bất lực. - ...	
Làm văn	Nghị luận xã hội Về hình thức: Viết một đoạn, không tách đoạn nhỏ; Câu cú rõ ràng, dung từ ngữ chính xác,... Xác định đúng vấn đề nghị luận: Vai trò của sự thất bại Về nội dung: - Giải thích: Thất bại là gì? Đó là những lần ta mắc phải sai lầm, vấp ngã, khó khăn thử thách, không đạt được mục tiêu mình đề ra,... - Phân tích vai trò của sự thất bại: + Thất bại giúp ta có thêm những kinh nghiệm để làm lại trong những lần sau + Thất bại giúp ta rút ra những bài học cho bản thân + Một người có ý chí, khi thất bại họ sẽ có thêm động lực và quyết tâm để đứng lên sau thất bại + ... - Rút ra bài học nhận thức và hành động.	2,0 0,5 0,25 1,0 0,25

MÃ ĐỀ 104

CÂU	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỂM
I. ĐỌC HIỂU (3 điểm)	1. Phương thức biểu đạt chính: Nghị luận	0,5
	2. Điều cần làm trước mắt là: – Tích lũy tri thức khi còn ngồi trên ghế nhà trường để mai ngày khởi nghiệp; – Tự mình xây dựng các chuẩn mực cho bản thân; – Nhận diện cái đúng, cái sai, cái đáng làm và cái không nên làm.	0,5
	3. - Biện pháp tu từ: Liệt kê, Câu hỏi tu từ - Biểu hiện: bạn bè, người yêu, đồng loại, công việc. <i>Bạn đã giànhdấu tích gì không?</i> - Tác dụng: Nhân mạnh sự trăn trở về việc sử dụng quỹ thời gian, không nên để thời gian trôi qua một cách vô nghĩa. Từ đó nhắc nhở mỗi người trân quý thời gian và có ý thức sử dụng thời gian hiệu quả, ý nghĩa	1,0
	4. Biết sử dụng quỹ thời gian của bản thân có ý nghĩa. Không để thời gian trôi qua một cách vô nghĩa: + Trau dồi kiến thức, hiểu biết + Bồi dưỡng tâm hồn, nhân cách; sống có ước mơ, lí tưởng... + Tích cực tham gia hoạt động xã hội, hoạt động thiện nguyện...	1,0

	+ Dành thời gian quan tâm đến gia đình, đến những người thân yêu + Biết hưởng thụ cuộc sống, quan tâm đến bản thân	
II.LÀM VĂN	NLXH	2,0
Câu 1 NLXH (Đoạn văn)	- Viết đoạn văn khoảng 15 dòng. - Về hình thức: viết một đoạn, không tách ra các đoạn nhỏ; Câu cú rõ ràng, dùng từ ngữ chính xác... - Nội dung: có thể trình bày một số ý cơ bản như sau: + Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: <i>Điều bản thân cần làm để tuổi trẻ có ý nghĩa.</i> + Triển khai vấn đề nghị luận. ->Trên cơ sở những hiểu biết về đoạn trích ở phần Đọc hiểu, HS có thể trình bày suy nghĩ theo nhiều cách nhưng phải hợp lí, có sức thuyết phục. Có thể theo hướng sau: ->Tuổi trẻ là giai đoạn thanh xuân, là quãng đời đẹp đẽ, có ý nghĩa nhất của đời người...Song thời gian là một dòng chảy thẳng, tuổi trẻ sẽ dần qua đi...Mặt khác, ở độ tuổi này, chúng ta dễ đối mặt với phải nhiều cám dỗ cuộc đời. Vậy phải làm gì để tuổi trẻ có ý nghĩa?	
	+ Trau dồi kiến thức, hiểu biết + Bồi dưỡng tâm hồn, nhân cách; sống có ước mơ, lí tưởng... + Tích cực tham gia hoạt động xã hội, hoạt động thiện nguyện... + Dành thời gian quan tâm đến gia đình, đến những người thân yêu + Biết hưởng thụ cuộc sống, quan tâm đến bản thân... -><i>Từ đó phê phán những người sống uổng phí tuổi trẻ và rút ra bài học cho bản thân.</i>	
	Nghị luận văn học	
	a. Đảm bảo cấu trúc bài làm văn: Có đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài. Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài kết luận được vấn đề.	0,5
	b. Xác định đúng vấn đề : Cảm nhận về <i>đẹp người anh hùng Từ Hải</i> qua đoạn trích <i>Chí khí anh hùng</i>	

		0,25
	c. Sáng tạo, chính tả, dùng từ, đặt câu	0,25
	d. Triển khai vấn đề Cảm nhận được cả nội dung và nghệ thuật, vận dụng tốt các phương thức biểu đạt; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. 1. Mở bài - Giới thiệu tác giả, tác phẩm, đoạn trích. 2. Thân bài: - Khái quát chung về đoạn trích: - Phân tích về mặt nội dung + Lý do Từ Hải từ biệt Kiều lên đường (4 câu đầu) + Vẻ đẹp lý tưởng của người anh hùng Từ Hải thông qua cuộc đối thoại với Kiều ++ Lời Kiều: Thể hiện ý thức, trách nhiệm bổn phận người vợ theo đạo tam tòng ++ Lời Từ Hải: động viên, trấn an, hứa hẹn chắc chắn... + Vẻ đẹp người anh hùng Từ Hải trong buổi lên đường. + Tiểu kết về nghệ thuật 3. Kết bài - Khẳng định lại giá trị của đoạn trích; vẻ đẹp lý tưởng của người anh hùng Từ Hải thông qua ngòi bút tài năng của nhà thơ Nguyễn Du.	0,5 0,5 1,0 1,0 0,5 0,5

MÃ ĐỀ: 111

PHẦN I: ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:

[1]... *Tự tin và kiêu ngạo trông có vẻ giống nhau nhưng về bản chất lại trái ngược nhau hoàn toàn. Người tự tin là người có self-worth (giá trị bản thân qua mắt nhìn của chính bạn) cao và không lung lay theo gió. Người kiêu ngạo là người có self-worth thấp và hay lung lay. Người kiêu ngạo thích được chứng tỏ và khao khát sự công nhận từ người khác để tăng self-worth cho bản thân. Trong khi đó, người tự tin hiểu bản thân và không có nhu cầu chứng tỏ, thể hiện hay được công nhận từ người khác để tăng self-worth.*

[2] *Mục tiêu của bạn là trở thành người tự tin. Tự tin không nhất thiết là phải nói nhiều, nói luôn mồm không biết trời đất là gì. Tự tin là cảm giác thỏa mãn bên trong khi bạn biết tuân thủ nguyên tắc, tiêu chuẩn và sự kỷ luật của bản thân. Bạn biết bạn là con người chín chắn, mẫu mực, thân thiện và tích cực. Bạn biết bạn có giá trị và không cần đến cái gật đầu công nhận của người ngoài. Cảm giác này khiến bạn luôn tràn đầy năng lượng tích cực và khiến mọi người muốn ở gần bạn.*

(Trích *Lập trình quỹ đạo cuộc đời* – Kiên Trần, Nxb Hồng Đức, tr.107-108)

Câu 1 (0,5 điểm): Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn trích.

Câu 2 (0,5 điểm): Theo tác giả văn bản, điểm khác biệt giữa người tự tin và người kiêu ngạo là gì?

Câu 3 (1 điểm): Xác định và nêu tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn văn [1].

Câu 4 (1 điểm): Qua đoạn trích, tác giả đã gửi gắm những thông điệp nào?

PHẦN II: LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm): Từ đoạn trích trên, anh/chị hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ về vấn đề: *Làm thế nào để có thể luôn tự tin vào bản thân?*

Câu 2 (5,0 điểm): Phân tích bài thơ “*Từ ấy*” của tác giả Tố Hữu:

*“Từ ấy trong tôi bừng nắng hạ
Mặt trời chân lý chói qua tim
Hồn tôi là một vườn hoa lá
Rất đậm hương và rộn tiếng chim...”*

*Tôi buộc lòng tôi với mọi người
Để tình trang trải với trăm nơi
Để hồn tôi với bao hồn khổ
Gần gũi nhau thêm mạnh khối đời.*

*Tôi đã là con của vạn nhà
Là em của vạn kiếp phôi pha
Là anh của vạn đầu em nhỏ
Không áo cơm, cù bất cù bơ...”*

(Trích *Sách giáo khoa Ngữ văn 11*, tập 2, Nxb Giáo dục, trang 44)

----HẾT----

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

Họ và tên thí sinh.....Số báo danh.....

MÃ ĐỀ: 112

PHẦN I: ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:

[1]... Người có tính khiêm tốn thường hay tự cho mình là kém, còn phải phấn đấu thêm, trau dồi thêm, cần được trao đổi, học hỏi nhiều thêm nữa. Người có tính khiêm tốn không bao giờ chịu chấp nhận sự thành công của cá nhân mình trong hoàn cảnh hiện tại, lúc nào cũng cho sự thành công của mình là tầm thường, không đáng kể, luôn luôn tìm cách để học hỏi thêm nữa.

[2] Tại sao con người lại phải khiêm tốn như thế? Đó là vì cuộc đời là một cuộc đấu tranh bất tận, mà tài nghệ của mỗi cá nhân tuy là quan trọng, nhưng thật ra chỉ là những giọt nước bé nhỏ giữa đại dương bao la. Sự hiểu biết của mỗi cá nhân không thể đem so sánh với mọi người cùng chung sống với mình. Vì thế, dù tài năng đến đâu cũng luôn luôn phải học thêm, học mãi mãi.

[3] Tóm lại, con người khiêm tốn là con người hoàn toàn biết mình, hiểu người, không tự mình đề cao vai trò, ca tụng chiến công của cá nhân mình cũng như không bao giờ chấp nhận một ý thức chịu thua mang nhiều mặc cảm tự ti đối với mọi người. Khiêm tốn là một điều không thể thiếu cho những ai muốn thành công trên đường đời.

(Trích *Tinh hoa xử thế*, Lâm Ngữ Đường, Nxb Giáo dục, 2015, tr.70-71)

Câu 1 (0,5 điểm): Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn trích.

Câu 2 (0,5 điểm): Theo tác giả, tại sao con người lại phải khiêm tốn?

Câu 3 (1 điểm): Xác định và nêu tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn văn [1].

Câu 4 (1 điểm): Qua đoạn trích, tác giả đã gửi gắm những thông điệp nào?

PHẦN II: LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm): Từ đoạn trích trên, anh/chị hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ về ý kiến được nêu trong đoạn trích phần đọc hiểu: “*Khiêm tốn là một điều không thể thiếu cho những ai muốn thành công trên đường đời.*”

Câu 2 (5,0 điểm): Phân tích bài thơ “*Từ ấy*” của tác giả Tố Hữu:

“*Từ ấy trong tôi bừng nắng hạ
Mặt trời chân lý chói qua tim
Hồn tôi là một vườn hoa lá
Rất đậm hương và rộn tiếng chim...*”

*Tôi buộc lòng tôi với mọi người
Để tình trang trải với trăm nơi
Để hồn tôi với bao hồn khổ
Gần gũi nhau thêm mạnh khối đời.*

*Tôi đã là con của vạn nhà
Là em của vạn kiếp phôi pha
Là anh của vạn đầu em nhỏ
Không áo cơm, cù bất cù bơ...*”

(Trích *Sách giáo khoa Ngữ văn 11*, tập 2, Nxb Giáo dục, trang 44)

---HẾT---

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

Họ và tên thí sinh..... Số báo danh.....

MÃ ĐỀ: 113

PHẦN I: ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:

[1]... *Tự tin và kiêu ngạo trông có vẻ giống nhau nhưng về bản chất lại trái ngược nhau hoàn toàn. Người tự tin là người có self-worth (giá trị bản thân qua mắt nhìn của chính bạn) cao và không lung lay theo gió. Người kiêu ngạo là người có self-worth thấp và hay lung lay. Người kiêu ngạo thích được chứng tỏ và khao khát sự công nhận từ người khác để tăng self-worth cho bản thân. Trong khi đó, người tự tin hiểu bản thân và không có nhu cầu chứng tỏ, thể hiện hay được công nhận từ người khác để tăng self-worth.*

[2] *Mục tiêu của bạn là trở thành người tự tin. Tự tin không nhất thiết là phải nói nhiều, nói luôn mồm không biết trời đất là gì. Tự tin là cảm giác thỏa mãn bên trong khi bạn biết tuân thủ nguyên tắc, tiêu chuẩn và sự kỷ luật của bản thân. Bạn biết bạn là con người chín chắn, mẫu mực, thân thiện và tích cực. Bạn biết bạn có giá trị và không cần đến cái gật đầu công nhận của người ngoài. Cảm giác này khiến bạn luôn tràn đầy năng lượng tích cực và khiến mọi người muốn ở gần bạn.*

(Trích *Lập trình quỹ đạo cuộc đời* – Kiên Trần, Nxb Hồng Đức, tr.107-108)

Câu 1 (1.0 điểm): Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn trích.

Câu 2 (1.0 điểm): Theo tác giả văn bản, điểm khác biệt giữa người tự tin và người kiêu ngạo là gì?

Câu 3 (1.0 điểm): Xác định và nêu tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn văn [1].

Câu 4 (1.0 điểm): Qua đoạn trích, tác giả đã gửi gắm những thông điệp nào?

PHẦN II: LÀM VĂN (6,0 điểm)

Từ đoạn trích trên, anh/chị hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ về vấn đề: *Làm thế nào để có thể luôn tự tin vào bản thân?*

----HẾT----

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

Họ và tên thí sinh..... Số báo danh.....

Mã đề: 114

PHẦN I. ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Thực hiện các yêu cầu sau:

[1] Cuộc sống vốn là thế giới đa dạng, phong phú, đầy màu sắc và mỗi người là một cá thể độc lập với những quan điểm sống khác nhau. Vậy khó có thể bắt người khác giống mình về sở thích, thói quen, tính cách... Điều quan trọng là mỗi người phải biết chấp nhận và tôn trọng sự khác biệt của người khác.

[2] Muốn có được suy nghĩ và hành xử đúng đắn, chúng ta cần biết chấp nhận sự khác biệt, hướng đến một cách sống bao dung, rộng lượng. Điều đó giúp bạn có được cuộc sống chan hòa với mọi người và có thêm nhiều cơ hội tốt trong cuộc sống. Chấp nhận cuộc sống như nó vốn có, điều đó có nghĩa là bạn đang tiến dần đến sự chín chắn, trưởng thành. Nếu bạn biết tôn trọng sự khác biệt của người khác, tôn trọng quyền tự do cá nhân của mỗi người, bạn sẽ nhận được sự tôn trọng của mọi người, cuộc sống rồi sẽ mỉm cười với bạn. Tôn trọng sự khác biệt, không phải là bạn đã tự đánh mất mình, mà đó là văn hóa ứng xử cần phải có của mỗi người. Tôn trọng sự khác biệt, bạn sẽ hạn chế làm người khác tổn thương chỉ vì những định kiến và nông nổi của mình.

[3] Mỗi người đều có cách sống riêng của mình. Chúng ta không nên vội vàng đánh giá người khác chỉ dựa vào những biểu hiện bề ngoài, vì đó chưa phải là tất cả để nói lên bản chất của một người. Sống tốt cuộc sống của mình, không kỳ thị, soi mói, xâm phạm vào đời tư của người khác. Sống với thái độ kỳ thị, chỉ làm cho mối quan hệ của chúng ta ngày càng xấu đi. Ai cũng có một lẽ sống

, một niềm tin, họ sống và suy nghĩ theo cách của mình. Chúng ta cần phải nhìn nhận và tôn trọng điều đó, không nên áp đặt, bắt họ sửa đổi theo ý muốn của mình. Chính sự khác biệt của mỗi người tạo nên một bức tranh đa dạng của cuộc sống. Vì vậy, chúng ta phải biết dung hòa và chấp nhận sự khác biệt. Cuộc sống luôn chứa đựng những điều tốt đẹp. Để cảm nhận được điều đó, chúng ta hãy dùng tấm lòng bao dung của mình, đồng thời gạt bỏ những suy nghĩ không tốt về người khác, quan tâm đến những điều tốt đẹp và sự tử tế của họ. Mỗi người có một giá trị riêng, khi ta chấp nhận và tôn trọng giá trị của người khác cũng chính là ta trân trọng chính mình. Vì vậy, ta không cần phải hạ thấp ai để khẳng định giá trị của bản thân.

(Trích Hãy chấp nhận sự khác biệt, theo <http://www.baobinhthuan.com>)

Câu 1. (0,5 điểm): Xác định phong cách ngôn ngữ của văn bản trên.

Câu 2. (0,5 điểm): Xác định nội dung chính của văn bản.

Câu 3. (1,0 điểm): Tìm và nêu tác dụng của 01 biện pháp tu từ trong đoạn [2].

Câu 4. (1,0 điểm): “Mỗi người có một giá trị riêng, khi ta chấp nhận và tôn trọng giá trị của người khác cũng chính là ta trân trọng chính mình. Vì vậy, ta không cần phải hạ thấp ai để khẳng định giá trị của bản thân”. Anh / chị có đồng tình với điều này không? Vì sao?

PHẦN II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Từ nội dung đoạn trích ở phần Đọc hiểu, hãy viết một đoạn văn khoảng 200 chữ, trình bày suy nghĩ của anh/chị về việc chấp nhận sự khác biệt trong cuộc sống.

Câu 2. (5,0 điểm)

Phân tích vẻ đẹp tâm hồn của người tù, người chiến sĩ cách mạng được thể hiện trong tác phẩm “Chiều tối” (Mộ) của Hồ Chí Minh.

Phiên âm

Quyện điểu quy lâm tầm túc thụ,
Cô vân mạn mạn độ thiên không;
Sơn thôn thiếu nữ ma bao túc,
Bao túc ma hoàn, lô dĩ hồng.

Dịch thơ

Chim mỏi về rừng tìm chốn ngủ,
Chòm mây trôi nhẹ giữa tầng không;
Cô em xóm núi xay ngô tối,
Xay hết, lò than đã rực hồng.

(Ngữ văn 11, tập II, tr. 41.)

-----HẾT-----

 Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

Họ và tên thí sinh:; số báo danh:

ĐÁP ÁN KIỂM TRA HỌC KÌ II – MÔN NGỮ VĂN 11

NĂM HỌC 2020- 2021

Thời gian làm bài: 90 phút

HƯỚNG DẪN CHẤM MÔN NGỮ VĂN LỚP 11

I. Hướng dẫn chung

- Giám khảo cần nắm vững các yêu cầu của hướng dẫn chấm để đánh giá tổng quát bài làm của thí sinh, tránh cách chấm đếm ý cho điểm.
- Do đặc trưng bộ môn Ngữ văn nên Giám khảo cần chủ động, linh hoạt trong việc vận dụng đáp án và thang điểm, khuyến khích các bài viết có cảm xúc, có sáng tạo, mang dấu ấn cá nhân.

II. Đáp án và thang điểm

MÃ ĐỀ 111

	Yêu cầu cần đạt	Điểm
ĐỌC HIỂU	1. PTBĐ chính: Nghị luận	0,5
	2. Theo tác giả văn bản, điểm khác biệt giữa người tự tin và người kiêu ngạo là gì? - “Người tự tin là người có self-worth cao và không lung lay theo gió. Người kiêu ngạo là người có self-worth thấp và hay lung lay”. (0,25) - “Người kiêu ngạo thích được chứng tỏ và khao khát sự công nhận từ người khác để tăng self-worth cho bản thân. Người tự tin hiểu bản thân và không có nhu cầu chứng tỏ, thể hiện hay được công nhận từ người khác để tăng self-worth”. (0,25)	0,5
	3. BPTT: Phép đối (đối lập) / Phép điệp (0,25) Biểu hiện: “người tự tin ...” – “người kiêu ngạo ...” (0,25) Tác dụng: làm cho câu văn sinh động, biểu cảm, hấp dẫn. (0,25) Qua đó làm nổi bật sự khác biệt về biểu hiện giữa người tự tin và người kiêu ngạo. (0,25)	1,0
	4. Qua đoạn trích, tác giả đã gửi gắm những thông điệp nào? HS được tự do bày tỏ quan điểm của bản thân, miễn có sự lập luận hợp lý. Sau đây là một vài hướng gợi ý: + Khuyến con người hãy rèn luyện, phát huy lòng tự tin và khắc phục tính kiêu ngạo. Đồng thời, con người cũng cần phân biệt giữa lòng tự tin và tính kiêu ngạo. + Cảm giác tự tin sẽ giúp con người luôn chủ động, mạnh mẽ trong cuộc sống và công việc. Đó là nguồn năng lượng dồi dào làm cho cuộc sống của họ không ngừng phát triển. + Lối sống tự tin, bản lĩnh không chỉ làm cho cuộc sống của bản thân họ tốt hơn, hoàn hảo hơn mà còn lan tỏa nguồn năng lực tích cực đến những người xung quanh.	1,0
LÀM VĂN		

NLXH	- Viết đoạn văn khoảng 200 chữ. - Về hình thức: + Viết một đoạn, không tách ra các đoạn nhỏ. + Câu cú rõ ràng, dùng từ ngữ chính xác... - Nội dung: có thể trình bày một số ý cơ bản như sau: + Giới thiệu vấn đề nghị luận: <i>Làm thế nào để có thể luôn tự tin vào bản thân?</i> + Các ý cơ bản: □ Giải thích: Tự tin là tin tưởng vào khả năng của bản thân, luôn chủ động trong mọi việc, dám nghĩ, dám làm. □ Bàn luận: Làm thế nào để có thể luôn tự tin vào bản thân? ✓ Trang bị cho mình một nền tảng kiến thức, kỹ năng và tâm lý vững vàng để làm cơ sở giải quyết những vướng mắc và khó khăn. ✓ Không ngừng hoàn thiện hệ giá trị cá nhân văn minh và chuẩn mực để làm nền tảng cho suy nghĩ và hành động. □ Liên hệ bản thân: Tự tin là nhân tố quan trọng để thành công. Mỗi cá nhân cần phải có ý thức xây dựng phẩm chất tự tin sao cho đúng nghĩa. (HS có thể bỏ qua thao tác giải thích và đi ngay vào bàn luận vẫn không bị trừ điểm)	2,0
NLVH	Cảm nhận bài thơ <i>Từ ấy</i> của tác giả Tố Hữu.	5,0
	a. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: Cảm nhận bài thơ <i>Từ ấy</i> của tác giả Tố Hữu.	0,25
	b. Triển khai vấn đề: Mở bài: Giới thiệu tác giả Tố Hữu; bài thơ <i>Vội vàng</i>. (0,5) Thân bài: ❖ Cảm nhận chung: (0,5) ❖ Cảm nhận chi tiết: ➤ Khổ 1: Niềm vui sướng say mê, khi bắt gặp lí tưởng của Đảng. (1,0) ➤ Khổ 2: Những nhận thức mới mẻ về lẽ sống. (0,75) ➤ Khổ 3: Sự chuyển biến sâu sắc trong tình cảm. (0,75) ❖ Đánh giá chung về nghệ thuật: (0,25) Kết bài: Đánh giá chung về tác giả, tác phẩm. (0,5)	4,25
	c. Sáng tạo: Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ mới mẻ, sâu sắc.	0,25

	d. Chính tả, dùng từ, đặt câu: Đảm bảo qui tắc chính tả, dùng từ, đặt câu.	0,25
--	---	------

MÃ ĐỀ 112

ĐỌC HIỂU	1. PTBĐ chính: Nghị luận	0,5
	2. Theo tác giả, con người lại phải khiêm tốn: <i>Đó là vì cuộc đời là một cuộc đấu tranh bất tận, mà tài nghệ của mỗi cá nhân tuy là quan trọng, nhưng thật ra chỉ là những giọt nước bé nhỏ giữa đại dương bao la. Sự hiểu biết của mỗi cá nhân không thể đem so sánh với mọi người cùng chung sống với mình. Vì thế, dù tài năng đến đâu cũng luôn luôn phải học thêm, học mãi mãi.</i>	0,5
	3. Xác định BPTT và nêu tác dụng * BPTT: Liệt kê (0,25) Các biểu hiện của khiêm tốn: “<i>tự cho mình là kém, phải phấn đấu thêm, trau dồi thêm, học hỏi thêm,...</i>” (0,25) * Tác dụng: diễn tả cụ thể hơn, đầy đủ hơn và sâu sắc hơn những biểu hiện của lòng khiêm tốn. (0,5) HS có thể nêu BPTT khác là phép điệp (điệp ngữ): “<i>người có tính khiêm tốn</i>” → Tác dụng: nhấn mạnh những biểu hiện của con người có đức tính khiêm tốn.	1,0
	4. Qua đoạn trích, tác giả đã gửi gắm những thông điệp nào? HS được tự do bày tỏ quan điểm của bản thân, miễn có sự lập luận hợp lý. Sau đây là một hướng gợi ý: Khuyến con người hãy rèn luyện, phát huy đức tính khiêm tốn.	1,0
LÀM VĂN		
NLXH	- Viết đoạn văn khoảng 200 chữ. - Về hình thức: + Viết một đoạn, không tách ra các đoạn nhỏ. + Câu cú rõ ràng, dùng từ ngữ chính xác... - Nội dung: có thể trình bày một số ý cơ bản như sau: + Giới thiệu vấn đề nghị luận: Trình bày suy nghĩ về ý kiến được nêu trong đoạn trích phần đọc hiểu: <i>Khiêm tốn là một điều không thể thiếu cho những ai muốn thành công trên đường đời.</i> + Các ý cơ bản: • Con người phải luôn khiêm tốn vì: cá nhân dù có tài năng đến đâu cũng chỉ là những giọt nước bé nhỏ giữa đại dương bao la. Phải luôn học nữa, học mãi. • Khiêm tốn là phẩm chất quan trọng và cần thiết của	2,0

	con người, là biểu hiện của con người đứng đắn, biết nhìn ra trông rộng, được mọi người yêu quý. Khiêm tốn giúp con người biết mình và hiểu người...từ đó sẽ được người khác giúp đỡ, tạo điều kiện và dễ đi đến thành công.	
NLVH	Cảm nhận bài thơ <i>Từ ấy</i> của tác giả Tố Hữu.	5,0 đ
	a. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: Cảm nhận bài thơ <i>Từ ấy</i> của tác giả Tố Hữu.	0,25
	b. Triển khai vấn đề: Mở bài: Giới thiệu tác giả Tố Hữu; bài thơ <i>Vội vàng</i> . (0,5) Thân bài: ❖ Cảm nhận chung: (0,5) ❖ Cảm nhận chi tiết: ➤ Khổ 1: Niềm vui sướng say mê, khi bắt gặp lí tưởng của Đảng. (1,0) ➤ Khổ 2: Những nhận thức mới mẻ về lẽ sống. (0,75) ➤ Khổ 3: Sự chuyển biến sâu sắc trong tình cảm. (0,75) ❖ Đánh giá chung về nghệ thuật: (0,25) Kết bài: Đánh giá chung về tác giả, tác phẩm. (0,5)	4,25
	c. Sáng tạo: Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ mới mẻ, sâu sắc.	0,25
	d. Chính tả, dùng từ, đặt câu: Đảm bảo qui tắc chính tả, dùng từ, đặt câu.	0,25

MÃ ĐỀ 113

	Yêu cầu cần đạt	Điểm
ĐỌC HIỂU	2. PTBĐ chính: Nghị luận	1,0
	2. Theo tác giả văn bản, điểm khác biệt giữa người tự tin và người kiêu ngạo là gì? - “ <i>Người tự tin là người có self-worth cao và không lung lay theo gió. Người kiêu ngạo là người có self-worth thấp và hay lung lay</i> ”. (0,25) - “ <i>Người kiêu ngạo thích được chứng tỏ và khao khát sự công nhận từ người khác để tăng self-worth cho bản thân. Người tự tin hiểu bản thân và không có nhu cầu chứng tỏ, thể hiện hay được công nhận từ người khác để tăng self-worth</i> ”. (0,25)	1,0
	3. BPTT: Phép đối (đối lập) / Phép điệp (0,25) Biểu hiện: “người tự tin ...” – “người kiêu ngạo ...” (0,25) Tác dụng: làm cho câu văn sinh động, biểu cảm, hấp dẫn. (0,25) Qua đó làm nổi bật sự khác biệt về biểu hiện giữa người tự tin và người kiêu ngạo. (0,25)	1,0

	4. Qua đoạn trích, tác giả đã gửi gắm những thông điệp nào? HS được tự do bày tỏ quan điểm của bản thân, miễn có sự lập luận hợp lý. Sau đây là một vài hướng gợi ý: + Khuyến con người hãy rèn luyện, phát huy lòng tự tin và khắc phục tính kiêu ngạo. Đồng thời, con người cũng cần phân biệt giữa lòng tự tin và tính kiêu ngạo. + Cảm giác tự tin sẽ giúp con người luôn chủ động, mạnh mẽ trong cuộc sống và công việc. Đó là nguồn năng lượng dồi dào làm cho cuộc sống của họ không ngừng phát triển. + Lối sống tự tin, bản lĩnh không chỉ làm cho cuộc sống của bản thân họ tốt hơn, hoàn hảo hơn mà còn lan tỏa nguồn năng lực tích cực đến những người xung quanh.	1,0
LÀM VĂN		
NLXH	- Viết đoạn văn khoảng 200 chữ. - Về hình thức: + Viết một đoạn, không tách ra các đoạn nhỏ. + Câu cú rõ ràng, dùng từ ngữ chính xác... - Nội dung: có thể trình bày một số ý cơ bản như sau: + Giới thiệu vấn đề nghị luận: Làm thế nào để có thể luôn tự tin vào bản thân? + Các ý cơ bản: ☐ Giải thích: Tự tin là tin tưởng vào khả năng của bản thân, luôn chủ động trong mọi việc, dám nghĩ, dám làm. ☐ Bàn luận: Làm thế nào để có thể luôn tự tin vào bản thân? ✓ Trang bị cho mình một nền tảng kiến thức, kĩ năng và tâm lý vững vàng để làm cơ sở giải quyết những vướng mắc và khó khăn. ✓ Không ngừng hoàn thiện hệ giá trị cá nhân văn minh và chuẩn mực để làm nền tảng cho suy nghĩ và hành động. ☐ Liên hệ bản thân: Tự tin là nhân tố quan trọng để thành công. Mỗi cá nhân cần phải có ý thức xây dựng phẩm chất tự tin sao cho đúng nghĩa. (HS có thể bỏ qua thao tác giải thích và đi ngay vào bàn luận vẫn không bị trừ điểm)	6,0

MÃ ĐỀ 114

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I.ĐỌC HIỂU	1	Phong cách ngôn ngữ: Chính luận.	0,5đ
	2	Xác định nội dung chính của đoạn [2]	0,5đ
		Học sinh nêu được 01 (trên 03 ý bên dưới) sẽ cho trọn điểm: - Cần biết chấp nhận sự khác biệt, hướng đến một cách sống bao dung, rộng lượng.	

		- Sự khác biệt của mỗi người tạo nên một bức tranh đa dạng của cuộc sống - Khi ta chấp nhận và tôn trọng giá trị của người khác cũng chính là ta trân trọng chính mình..	
	3	Tìm ra và nêu tác dụng của 01 biện pháp tu từ trong văn bản.	1,0đ
		- Biện pháp tu từ: Phép điệp hoặc Điệp ngữ. - Biểu hiện: Tôn trọng sự khác biệt... - Tác dụng: + Nghệ thuật: Nhằm nhấn mạnh, tô đậm, gây ấn tượng, tăng giá trị biểu cảm. + Nội dung: Nhấn mạnh việc tôn trọng giá trị của người khác, đó là một ứng xử có văn hoá và cũng là cách chúng ta nhìn nhận người khác một cách toàn diện hơn, không bằng những định kiến.	0,25đ 0,25đ 0,25đ 0,25đ
	4	“Mỗi người có một giá trị riêng, khi ta chấp nhận và tôn trọng giá trị của người khác cũng chính là ta trân trọng chính mình. Vì vậy, ta không cần phải hạ thấp ai để khẳng định giá trị của bản thân”. Anh / chị có đồng tình với điều này không? Vì sao?	1,0đ
		Học sinh đồng tình (0.5đ) và nêu được một số lý do để trả lời câu hỏi Vì sao?(0.5đ). Có thể trả lời theo gợi ý sau: - Chấp nhận giá trị của người khác chính là cách chúng ta đang mở lòng ra để tiếp cận, đón nhận, học hỏi những giá trị mới. - Mỗi cá thể mang một giá trị, mang một màu sắc riêng đến với cuộc sống. Bản thân những giá trị đó không được xếp thứ bậc. Việc hạ thấp giá trị của người khác không những không nâng cao những giá trị của bản thân, mà ngược lại, điều đó cho thấy sự bảo thủ, cố chấp và không chịu lắng nghe, học hỏi để tự hoàn thiện mình. (HS có thể trả lời bằng nhiều cách, miễn sao lý giải hợp lý đều được chấp nhận)	
II. LÀM VĂN	1	Từ nội dung đoạn trích ở phần Đọc hiểu, hãy viết một đoạn văn khoảng 200 chữ, trình bày suy nghĩ của anh/chị về việc chấp nhận sự khác biệt trong cuộc sống .	2,0đ
		a. Đảm bảo thể thức của một đoạn văn có mở đoạn, triển khai, kết đoạn.	0,25đ
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: Suy nghĩ về việc chấp nhận sự khác biệt trong cuộc sống.	0,25đ
		c. Triển khai hợp lý nội dung đoạn văn: Mở đoạn: Giới thiệu vấn đề cần nghị luận. Thân đoạn: 1. Giải thích Sự khác biệt - Là sự không giống nhau hoặc trái ngược nhau về sở thích,	1,0đ

	thói quen, tính cách, quan điểm sống.... 2. Biểu hiện của sự khác biệt - Trong gia đình. - Nhà trường. - Xã hội. 3. Bàn luận: Ý nghĩa của việc chấp nhận sự khác biệt - Giúp mở lòng giao lưu, học hỏi, sống chan hoà hơn với mọi người. - Không nhìn nhận người khác bằng định kiến của bản thân, chấp nhận sự khác biệt cũng là cách nhìn nhận ra sự đa dạng, muôn màu của cuộc sống. - Là cách để khẳng định, trân trọng những giá trị khác nhau của cuộc sống, cũng là cách trân trọng hơn chính bản thân mình. - Chấp nhận sự khác biệt, không ngừng tự điều chỉnh hành vi để tự hoàn thiện bản thân mỗi ngày. 4. Mở rộng: - Phê phán những lối sống ích kỉ, định kiến, hẹp hòi, tìm cách hạ thấp người khác vì họ khác với mình. - Phê phán những biểu hiện như không chấp nhận sự khác biệt cũng như không trân trọng những giá trị của chính mình (tìm cách sống thu mình, thiếu tự tin vì không trân trọng bản thân). 5. Bài học, nhận thức - Tự rút ra bài học và hành động cho bản thân.	
	d. Sáng tạo: Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ sâu sắc, có dẫn chứng về vấn đề nghị luận.	0,25đ
	e. Chính tả, dùng từ đặt câu: Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa tiếng Việt.	0,25đ
2	Phân tích vẻ đẹp tâm hồn của người tù, người chiến sĩ cách mạng được thể hiện trong tác phẩm “Chiều tối” (Mộ) của Hồ Chí Minh.	5,0đ
	a. Đảm bảo cấu trúc bài: Có đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài.	0,25đ
	b. Xác định đúng vấn đề: Vẻ đẹp tâm hồn của người tù, người chiến sĩ cách mạng.	0,25đ
	c. Triển khai vấn đề trong bài viết thành các luận điểm; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Học sinh có thể giải quyết vấn đề theo hướng sau: 1. Mở bài - Giới thiệu sơ lược về tác giả Hồ Chí Minh và tập thơ <i>Nhật ký trong tù</i>. - Tác phẩm “<i>Chiều tối</i>” thể hiện được vẻ đẹp tâm hồn của người tù, người chiến sĩ cách mạng.	4,0đ

	2. Thân bài a. Cảm nhận chung: Hoàn cảnh ra đời, vị trí, xuất xứ, chủ đề, nội dung... b. Phân tích về đẹp tâm hồn * Tình yêu thiên nhiên của người tù Hồ Chí Minh (câu 1,2) - Thời gian, không gian, hình ảnh thơ.... → <i>Bút pháp chấm phá, tả cảnh ngụ tình, sử dụng thi liệu cổ, ta thấy được một tâm hồn yêu thiên nhiên, tinh thần thép đầy nghị lực, tinh thần vượt lên nghịch cảnh của người tù HCM.</i> * Tình yêu cuộc sống, tinh thần lạc quan (câu 3,4) - Hình ảnh thơ: Sơn thôn với tư thế lao động thật bình dị. Đó là hình ảnh trung tâm của bức tranh. - Nghệ thuật điệp vòng: “<i>Ma bao túc – Bao túc ma</i>”: Vòng quay không dứt, hăng say lao động, cũng là bước đi của thời gian. - Hình ảnh “<i>lô dĩ hồng</i>”, chữ “<i>hồng</i>” được coi là “nhân tự” của bài thơ: gọi sự ấm áp sum họp và tinh thần lạc quan của người tù nơi đất khách. => Vận động từ bóng tối ra ánh sáng để hướng đến tương lai. c. Sơ kết chung: - Chiều tối là cái nhìn lạc quan yêu đời ở nhà thơ – chiến sĩ Hồ Chí Minh. - Nghệ thuật: Ngôn ngữ hàm súc, cô đọng, bút pháp chấm phá, chất cổ điển kết hợp với chất hiện đại. Chất thi sĩ hòa trong chất chiến sĩ. 3. Kết bài - Khẳng định lại giá trị bài thơ trong tập thơ NKTT - Khẳng định về đẹp, phẩm chất đạo đức, trí tuệ, nhân cách HCM.	
	d. Sáng tạo: Có cách diễn đạt mới mẻ, thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận.	0,25đ
	e. Chính tả, dùng từ, đặt câu: Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu.	0,25đ
TỔNG ĐIỂM		10,0 đ